

Số: 05/2023/QĐST-DS

Hòa An, ngày 11 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:*

+ Bà Nguyễn Thị D; sinh năm: 1960

+ Ông Đàm Văn Đ; Sinh năm: 1957

Cùng địa chỉ: xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng

- *Đồng bị đơn:*

+ Bà Đàm Thị H; Sinh năm: 1964

+ Ông Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1990.

Cùng địa chỉ: xóm Đ, xã N, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về Đất tranh chấp: Thuộc thửa đất số 1156, lô 335, khoảnh 2, tiểu khu

220 có địa chỉ tại xóm Đ, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Hai bên đương sự tự nguyện, thống nhất thỏa thuận sẽ chia đôi phần đất tranh chấp tổng diện tích là 825m², có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp ruộng của ông Lý Văn L
- Phía Đông và phía Nam giáp đất rừng của bà Đàm Thị H
- Phía Tây giáp đất rừng của bà Nguyễn Thị D và ông Đàm Văn Đ

2.2. Các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và ông Đàm Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 419m², có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất rừng của bà Đàm Thị H và ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng;
- Phía Tây giáp đất rừng của bà Nguyễn Thị D và ông Đàm Văn Đ;
- Phía Nam giáp đất rừng của bà Đàm Thị H;
- Phía Bắc giáp đất ruộng của ông Lý Văn L.

2.3. Các đồng bị đơn bà Đàm Thị H và ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 406m², có tứ cận như sau:

- Phía Đông, phía Nam giáp đất rừng của bà Đàm Thị H;
- Phía Tây giáp đất rừng mà bà Nguyễn Thị D và ông Đàm Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng;
- Phía Bắc giáp đất ruộng của ông Lý Văn L.

(Có trích đo thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 50 (F-48-45-246-(- II)); Hệ tọa độ VN2000 Hiện trạng khu vực tranh chấp quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng kèm theo)

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực, các bên đương sự có trách nhiệm thực hiện các thủ tục với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai.

2.4. Về án phí: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên án phí được giảm 50%.

- Về án phí:

+ Các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, ông Đàm Văn Đ cùng phải chịu số tiền 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Tuy nhiên, bà D và ông Đ là người cao tuổi đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí và thuộc diện được miễn nộp tiền án phí, do vậy bà D, ông Đ được miễn nộp tiền án phí. Nay, bà Nguyễn Thị D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003701 ngày 17/4/2023 và ông Đàm Văn Đ được hoàn lại tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003702 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

+ Các đồng bị đơn bà Đàm Thị H và ông Nguyễn Văn T cùng phải chịu số tiền 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công

quỹ nhà nước. Bà H tự nguyện nộp tiền án phí bao gồm cả phần của ông T với tổng số tiền là 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

2.5. Về chi phí tố tụng: Xác nhận bà Nguyễn Thị D đã nộp số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) tại biên bản giao nhận ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 3.752.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*), còn lại số tiền 2.248.000đ (*Hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) đã trả lại cho bà Nguyễn Thị D theo biên bản giao nhận ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 1/2 tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.876.000đ (*Một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*). Nay, bà H và ông T cùng phải chịu số tiền 1.876.000đ (*Một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*), bà H tự nguyện nộp tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bao gồm cả phần của ông T để thanh toán cho bà D, ông Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An;
- CC THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Dong